

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 664/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2024
(Đối với chủ đầu tư dự án cấp tỉnh – đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công điện số 11/CĐ-BKHĐT ngày 12/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công tỉnh Bắc Ninh năm 2024;

Xét đề nghị của Liên Sở Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính tại Tờ trình số 67/LS: KHĐT-TC ngày 27/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công năm 2024, đối với chủ đầu tư dự án cấp tỉnh – đợt 1 như sau:

1. Giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 cho các dự án đầu tư công với tổng nguồn là: 1.337.643,536 triệu đồng (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm ba mươi

bảy tỷ sáu trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng), cụ thể như sau:

1.1. Bổ trí trực tiếp cho các dự án đã được thẩm tra, phê duyệt quyết toán từ nguồn XDCB tập trung: 85.596,761 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

1.2. Bổ trí trực tiếp, hỗ trợ các dự án chuyển tiếp: 993.046,775 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn XDCB tập trung: 968.046,775 triệu đồng;
- Nguồn Xô số kiến thiết: 25.000 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

1.3. Bổ trí trực tiếp cho các dự án khởi công mới từ nguồn XDCB tập trung: 259.000 triệu đồng

(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)

2. Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và quy định hiện hành các nội dung chi sau:

2.1. Chi trả nợ gốc, lãi vay 11.500 triệu đồng.

2.2. Ghi thu – ghi chi dự án BT 350.000 triệu đồng: Ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi dự án đầu tư theo hình thức BT theo tiến độ thực hiện.

Điều 2. Đối với 1.590.761,925 triệu đồng nguồn Ngân sách tỉnh năm 2024 còn lại theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, bao gồm:

1. Bội chi từ phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương 1.000.000 triệu đồng: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì tham mưu thực hiện theo quy định.

2. Chi đầu tư từ thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh 590.100 triệu đồng: Sau khi có phát sinh nguồn thu, Liên Sở Tài chính – Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ chi tiết theo quy định.

3. Đối với 661,925 triệu đồng còn lại chưa phân bổ chi tiết cho dự án Khu thực nghiệm Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, Liên sở Kế hoạch và Đầu tư – Tài chính tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ chi tiết sau khi dự án đủ điều kiện thủ tục theo quy định.

Điều 3. Giao đơn vị chủ đầu tư: Quản lý sử dụng vốn đầu tư công năm 2024 đúng quy định, không để thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước; Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền của đơn vị trong quá trình thực hiện dự án.

Điều 4. Giao các cơ quan: Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh theo chức năng phối hợp với đơn vị có liên quan hướng dẫn các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công trong việc quản lý, sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 bảo đảm theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân

sách nhà nước, các Nghị định, văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương và quy định phân cấp của tỉnh Bắc Ninh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh, các Chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. / *hien*

Nơi nhận: *e*

- Như Điều 5;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC (b/c);
- TTTU; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng
Ngô Tân Phụng



STT	Nội dung	Ban QLDA Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm m tại khu vực (chỉ tiết bên quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt Quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (đến 31/10/2023)	Số còn thiếu so với giá trị Quyết toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (Nguồn XDCB tập trung)		Ghi chú		
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số, ngày, tháng, năm				Giá trị quyết toán	Tổng số		Trong đó	
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước								Thu hồi vốn đã đóng trước	Trị nợ đóng XDCB
14	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL285 đoạn Đại Lai - Ngụ, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA xây dựng giao thông Bắc Ninh	Huyện Gia Bình	KBNN tỉnh	7231496	292	2018-2020	1928 ngày 18/12/2017	151.190,618	151.190,618	839/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	93.024,854	2.065,331	91.035,873	2.065,330	2.065,331			
15	Đầu tư xây dựng tuyến đường liên xã Xuân Lai đi Song Giang (đoạn từ QL17 đi về Đại Hà)	Ban quản lý các DAXD huyện Gia Bình	Huyện Gia Bình	KBNN tỉnh	7832907	292	2020-2021	1814 ngày 31/10/2019	19.168,392	19.168,392	2126/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	18.475,771	14.540,000	15.974,697	2.528,579	2.528,579			
16	Đầu tư xây dựng đường dẫn vào khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung huyện Lương Tài (từ TL281, Km19+400 thôn Ngọc Thượng đi cầu Phương Độ)	Ban quản lý các DAXD huyện Lương Tài	Huyện Lương Tài	KBNN tỉnh	7736167	292	2019-2020	666 ngày 12/6/2020	147.308,800	147.308,800	2254/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	121.578,971	27.969,888	119.000,000	2.610,258	2.610,258			
17	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Xá - Phù Cầm đoạn qua thôn Ấp Đồn, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ban quản lý các DAXD huyện Yên Phong	Huyện Yên Phong	KBNN tỉnh	7562813	292	2016-2019	2117 ngày 14/11/2018	85.854,434	85.854,434	2074/QĐ-UBND ngày 19/10/2023; 163/BC-STC ngày 27/9/2023	60.578,723	8.150,027	57.772,993	2.875,465	2.875,465			
18	Đầu tư xây dựng đường ĐT1 - Khu đô thị mới huyện Tiên Du	Ban quản lý CDAXD huyện Tiên Du	Huyện Tiên Du	KBNN tỉnh	7113208	292	2009-2013	1669 ngày 18/11/2020	43.496,000	43.496,000	908/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	32.900,507	5.490,058	27.410,450	5.490,058	5.490,058			
19	Đầu tư xây dựng nối đường trục chính đô thị từ xã Phương Mao sang khu công nghiệp Quê Võ I, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh (giai đoạn 2)	Ban quản lý dự án huyện Quê Võ	Huyện Quê Võ	KBNN tỉnh	7693185	292	2018-2019	1162 ngày 17/7/2018	22.104,380	22.104,380	970/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	19.583,150	2.102,896	17.500,000	2.102,895	2.102,896			
20	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ TL283 đi QL17 đoạn qua xã Trí Quả, huyện Thuận Thành	Ban quản lý các dự án xây dựng huyện Thuận Thành	Huyện Thuận Thành	KBNN tỉnh	7617556	292		72/QĐ-UBND ngày 25/01/2019	39.182,856	39.182,856	183/BC-STC ngày 09/11/2023	31.326,756	3.120,934	28.300,222	3.026,533	3.026,534			
c	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																		
21	Đầu tư công và cầu trên kênh nối giữa trạm bơm Kim Đồi I và trạm bơm Kim Đồi II	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Huyện Quê Võ	KBNN tỉnh	7553784	283	2016-2017	1247/ngày 10/10/2016; 1610/QĐ-UBND ngày 06/11/2017	64.865	64.864,806	334/QĐ-UBND ngày 29/3/2023, VB 1411/UBND-NN ngày 16/5/2023; 693/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	51.682,140	3.945,25	48.499,756	3.945,252	3.945,253	QT gói thầu số 1, 7		
22	Kê Việt Thống đoạn từ K64+900 + K66+500	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Huyện Quê Võ	KBNN tỉnh	7781311	283	2020-2021	1736 ngày 30/10/2019	59.581,371	59.581,371	921/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	41.735,721	17.589,164	39.300,000	2.589,164	2.589,164			
23	Nạo vét sông Thứa	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Huyện Lương Tài	KBNN tỉnh	7770595	283	2020-2022	406 ngày 27/10/2020	14.217,185	14.217,185	166/QĐ-STC ngày 27/9/2023	12.619,670	7.648,333	11.834,234	814,099	814,099			
24	Cải tạo, nạo vét, củng cố bờ phải kênh và công trình trên kênh tưới trạm bơm Xuân Hội	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Huyện Tiên Du	KBNN tỉnh	7708246	283	2019	382 ngày 30/10/2018	7.845,272	7.845,272	182/QĐ-STC ngày 02/11/2023	7.029,203	2.389,799	5.000,000	2.029,203	2.029,203			
25	Hạ tầng sản xuất nông nghiệp tập trung khu đất bãi ven sông huyện Gia Bình (giai đoạn 2)	Ban quản lý các DAXD huyện Gia Bình	Huyện Gia Bình	KBNN tỉnh	7752400	281	2019-2021	1033 ngày 18/8/2021	69.925,071	69.925,071	891/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	66.790,544	1.809,728	65.450,000	1.359,728	1.359,728			
26	Mở rộng mặt đường kết hợp giao thông tỉnh lộ 276 đoạn từ K25+700 + K27+500 để tá Đường, huyện Tiên Du	Chi cục thủy lợi	Huyện Tiên Du	KBNN tỉnh	7862855	283	2020-2021	173 ngày 30/10/2019	45.000,000	45.000,000	821/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	35.929,008	25.929,009	30.755,114	5.173,895	5.173,895			
27	Xử lý khẩn cấp công trình kênh tiêu từ bể hút trạm bơm Trĩnh Xá đến điều tiết T12 và nạo vét kênh tiêu 6 xã	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đường	Tx Từ Sơn, H.Tiên Du	KBNN tỉnh	7549215	283	2016-2019	225 ngày 27/5/2016	11.955,976	11.955,976	73/QĐ-STC ngày 12/5/2023	7.290,173	340,306	7.000,000	340,306	340,306			



STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Quyết định phê duyệt Quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (đến 31/10/2023)	Số còn thiếu so với giá trị Quyết toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (Nguồn XDCB tập trung)		Ghi chú		
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số, ngày, tháng, năm				Giá trị quyết toán	Tổng số		Trong đó	
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước								Thu bù vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB
28	Cải tạo, nạo vét kênh tiêu T11 và kênh Bắc khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn	Ban quản lý dự án Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh (nay là: Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Bắc Ninh)	Huyện Tiên Du	KBNN tỉnh	7632781	283		1371/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	27.690,158	27.690,158	188/BC-STC ngày 13/11/2023	20.011,817	2.865,000	18.000,000	2.247,457	2.247,457			
V	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước Đảng, đoàn thể					340													
29	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc trung tâm kỹ thuật - công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và môi trường	Thành phố Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7940303	341	2022-2023	350/QĐ-SKHĐT.QLN ngày 30/12/2021; 151/QĐ-SKHĐT.QLN ngày 01/8/2022	14.801,716	14.801,716	120/QĐ-STC ngày 14/8/2023	13.753,343	13.753	12.000,000	1.753,343	1.753,344			
30	Đầu tư xây dựng công trình trụ sở các ban Đảng tỉnh Bắc Ninh	Ban quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7761924	351		848/QĐ-UBND ngày 05/6/2019; 732/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	68.860,588	68.860,588	184/BC-STC ngày 09/11/2023	1.913,653	15.000,000	61.555,864	227,247	227,247		Quyết toán gói thầu số 10	



PHỤ LỤC 02: DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP
(Kèm theo Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chức năng nhiệm vụ	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (đến 31/10/2023)	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú	
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn Xổ số		
									Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước								
TỔNG CỘNG											5.276.052	4.737.419	993.046,775	968.046,775	25.000,000		
A	Dự án còn thời gian thực hiện dự án											3.039.956	1.000.264	745.892,775	720.892,775	25.000,000	
I	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội							040									
1	Đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	Tỉnh Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7004692	041	2022-2026	3961/QĐ-BCA-H01 ngày 30/5/2019	123.450	123.450	80.000	12.851	49.000,000	49.000,000			
2	ĐT XD Trung tâm cảnh sát thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh.	Công an tỉnh	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7004692	041	2020-2024	1266/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	181.234	181.234	145.000	84.580	45.300,000	45.300,000			
3	Xây dựng, lắp đặt hệ thống trung tâm chỉ huy, điều hành giao thông, giám sát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông qua camera	Công an tỉnh	Tỉnh Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7004692	041	2023-2024	6977/QĐ-BCA-H01 ngày 16/10/2023 của Bộ Công an	39.991	39.991	32.000	-	22.000,000	22.000,000			
II	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							070									
4	Dự án ĐT XD trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh (giai đoạn 2)	BQLDA ĐT XD công trình Dân dụng và Công nghiệp	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7806809	093	2023-2026	1783/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 909/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	190.777	190.777	93.500	1.062	33.437,836	33.437,836			
5	DA ĐT XD mở rộng trường THPT Lê Văn Thịnh	BQLDA ĐT XD công trình Dân dụng và Công nghiệp	Gia Bình	KBNN tỉnh	7866716	074	2021-2024	1501/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 2097/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	73.834	73.834	54.000	396	30.000,000	5.000,000	25.000,000		
6	Dự án ĐT XD mở rộng trường THPT Ngô Gia Tự	BQLDA ĐT XD công trình Dân dụng và Công nghiệp	Từ Sơn	KBNN tỉnh	7806813	074	2023-2025	1778/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 268/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	42.873	42.873	34.000	244	18.755,750	18.755,750			
IV	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình							130									
7	Dự án mở rộng Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh	BQLDA ĐT XD công trình Dân dụng và Công nghiệp	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7638932	132	2021-2024	1984/QĐ-UBND ngày 25/12/2017; 1112/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	491.007	491.007	393.000	177.354	179.496,005	179.496,005			
V	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin							160									
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hồi Quan, thị xã Từ Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Từ Sơn	KBNN tỉnh	7944618	161	2022-2024	1675/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	36.160	36.160	31.000	20.075	6.000,000	6.000,000			
VI	Lĩnh vực Thể dục, thể thao							220									
9	Dự án ĐT XD hạ tầng kỹ thuật trung tâm thể dục thể thao tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7876718	221	2021-2024	QĐ 1791/QĐ-UBND ngày 18/12/2020; 957/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	87.945	87.945	63.000	29.652	11.000,000	11.000,000			
VII	Các hoạt động kinh tế							280									
a	Lĩnh vực Giao thông																
10	Dự án ĐT XD cải tạo, nâng cấp TL.295 (đoạn từ vị trí chân cầu vượt nút giao với QL.18 đến đường TL.285B theo quy hoạch), huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	Yên Phong	KBNN tỉnh	7946194	292	- Công tác chuẩn bị đầu tư: 2020-2021; - Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2024	1654/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 1350/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	79.994	79.994	64.000	11.966	20.000,000	20.000,000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (đến 31/10/2023)	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú	
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn Xổ số		
									Tổng số							Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước
11	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê sông Cầu, xã Dũng Liệt đi Khu công nghiệp Yên Phong I mở rộng, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	Yên Phong	KBNN tỉnh	7811796	292	2020-2022, tiếp đến năm 2024	1804/QĐ UBND, ngày 31/10/2019; 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2023	70.902	70.902	45.765	11.814	10.000,000	10.000,000		
12	Tuyến đường H thành phố Bắc Ninh (đoạn từ nút giao với đường Kinh Dương Vương đến Hồ điều hòa)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7520988	292	Đến hết năm 2024	716/QĐ-UBND ngày 02/7/2015	254.908	254.908	173.000	112.720	41.467,680	41.467,680		
13	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp đường TL.284 đoạn từ Lăng Ngâm – Thị trấn Thứa, huyện Gia Bình và Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA XD Giao thông	Gia Bình, Lương Tài	KBNN tỉnh	7706500	292	2018-2022, tiếp đến năm 2024	1840/QĐ ngày 22/10/2018; 1112/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	313.632	313.632	200.000	133.421	50.000,000	50.000,000		
14	Dự án ĐTXD đường ĐT.287 đoạn từ xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong đến phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn	Ban QLDA XD Giao thông	Yên Phong, Từ Sơn	KBNN tỉnh	7774233	292	2022-2025	1708/QĐ ngày 29/10/2019; 382/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	335.202	335.202	268.000	64.063	40.000,000	40.000,000		
15	Đường Hoàng Quốc Việt, thị xã Từ Sơn	Ban QLDA XD Giao thông	Từ Sơn	KBNN tỉnh	7941663	292	2021-2025	197/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	190.473	190.473	128.000	16.128	30.000,000	30.000,000		
16	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ TL.277 đến khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ, thị xã Từ Sơn (đoạn từ UBND phường Trang Hạ đi khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ).	Ban QLDA XD Giao thông	Từ Sơn	KBNN tỉnh	7791968	292	2019-2024	1817/QĐ ngày 31/10/2019	461.435	461.435	349.000	93.950	20.000,000	20.000,000		
17	Dự án ĐTXD đường TL.287 đoạn từ nút giao đường dẫn phía Bắc cầu Phật Tích – Đệ Đổng Thành đến nút giao QL.38 mới (Lý trình Km8+650 + Km13+650), huyện Tiên Du	Ban QLDA XD Giao thông	Tiên Du	KBNN tỉnh	7784756	292	2019-2024	1737/QĐ ngày 30/10/2019	430.518	430.518	212.000	500	20.000,000	20.000,000		
18	Đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cầu Ngà và đường hai đầu cầu	Ban QLDA XD Giao thông	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7941664	292	GD 1: 2022-2023 GD 2: 2024-2025	292/QĐ-UBND ngày 28/3/2022; 2089/UBND-XDCB ngày 22/7/2022	157.860	157.860	115.000	23.225	15.000,000	15.000,000		
19	Dự án đầu tư xây dựng ĐT.278 đoạn QL.18 lén đê sông Cầu, huyện Quế Võ	Ban QLDA XD Giao thông	Quế Võ	KBNN tỉnh	7721030	292	2018-2022, tiếp đến năm 2024	1929/QĐ ngày 26/10/2018	232.484	232.484	118.000	90.014	10.000,000	10.000,000		
b	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản															
20	ĐTXD 10 trạm bơm cục bộ huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	Lương Tài	KBNN tỉnh	7952247	283	Đến hết 31/12/2024	1767/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; VB 3197/UBND-NN ngày 31/10/2022	55.683	55.683	50.000	39.743	5.000,000	5.000,000		
21	Đầu tư xây dựng tuyến kênh tưới, tiêu; Công trình phục vụ quản lý vận hành trạm bơm Tri Phương II.1 và Tri Phương II.2	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tiên Du	KBNN tỉnh	7994916	283	- Năm 2022: hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; - Năm 2023-2026 triển khai thực hiện dự án	283/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	225.484	225.484	175.000	2.317	50.000,000	50.000,000		
22	Cứng hóa kênh Nam đoạn K8+700-K14+100	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7928315	283	2021-2024	1683/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 948/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	116.429	116.429	93.000	42.000	15.000,000	15.000,000		



STT	Nội dung	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản (thị trấn, quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (đến 31/10/2023)	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú	
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn Xổ số		
									Tổng số							Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước
7	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	Gia Bình	KBNN tỉnh	7721035	161	Thời gian thực hiện dự án đến hết ngày 31/12/2023	1910/QĐ UBND, ngày 26/10/2018; 1661/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 1414/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	148.483	148.483	68.000	90.946	2.000,000	2.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Viêm Xá (Đình Diêm), xã Hòa Long, TP Bắc Ninh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7795628	161	Đến hết năm 2023	1740/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019; 1464/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	21.974	21.974	18.000	12.144	2.000,000	2.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
9	Công viên Thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	Từ Sơn	KBNN tỉnh	7805700	161	2019-2021	1743/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	73.396	73.396	30.314	43.400	4.000,000	4.000,000		Đã trình QT
10	Đền thờ Nguyễn Cao tại xã Cách Bi huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Quế Võ	KBNN tỉnh	7831375	161	2020-2023	1799/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	143.167	143.167	90.000,000	114.800	1.146,000	1.146,000		Nhu cầu bổ sung vốn năm 2024 để nộp tiền đất sử dụng của dự án
V	Linh vực Thể dục, thể thao						220									
11	Trung tâm đào tạo và thi đấu bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7657832	221	Đến tháng 9 năm 2023	1560/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 357/QĐ-UBND ngày 20/3/2020; 1127/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	105.326	105.326	68.000	84.056	3.000,000	3.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
VI	Các hoạt động kinh tế						280									
a	Linh vực Giao thông															
12	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng và nâng cấp cầu Bồ Sơn, nút giao giữa QL.38 với QL.1A, thành phố Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7721708	292	2018-2020	1966/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	127.824	127.824	28.700	85.000	8.000,000	8.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
13	Nút giao hoàn chỉnh nối QL18 với KCN Yên Phong	Ban QLDAXD Giao thông	Yên Phong	KBNN tỉnh	7541980	292	2015-2018	1425/QĐ ngày 24/11/2015; 2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	244.447	244.447	24.400	165.888	5.000,000	5.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
14	Đầu tư xây dựng đường nối TL 295 với cầu Đông Xuyên	Ban QLDAXD Giao thông	Yên Phong	KBNN tỉnh	7373245	292	2012-2019	1576/QĐ-UBND ngày 13/9/2020 (QĐBC)	103.686	103.686	9.000	88.337	4.000,000	4.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
15	ĐT 276 Chờ - Thị trấn Lim	Ban QLDAXD Giao thông	YP, TD	KBNN tỉnh	7546561	292	2016-2020	1284/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 1929/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	391.472	391.472	13.800	343.257	5.000,000	5.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
16	ĐT 279 Nội Dơi Phố Mới	Ban QLDAXD Giao thông	Quế Võ	KBNN tỉnh	7303398	292	2015-2020	806/QĐ-UBND ngày 29/7/2015	169.497	169.497	11.837	83.460	4.000,000	4.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
17	Cải tạo, nâng cấp đường TL.286, đoạn Đông Yên Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh (lý trình Km7 + 569,04-Km12+230) giai đoạn I	Ban QLDAXD Giao thông	Yên Phong	KBNN tỉnh	7681800	292	2018-2022	321/QĐ ngày 20/03/2018	258.354	258.354	44.000	36.879	4.000,000	4.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
18	Đầu tư xây dựng đường TL.287 đoạn từ QL.38 mới, huyện Tiên Du đến QL.18, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	TD, QV	KBNN tỉnh	7721028	292	2018-2022, tiếp đến năm 2023	1915/QĐ ngày 26/10/2018; 245/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	377.651	377.651	216.000	156.896	3.000,000	3.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
19	Đường tỉnh 279 (Phố mới-Chi)	Ban QLDAXD Giao thông	Quế Võ	KBNN tỉnh	7006750	292	Hoàn thành trong tháng 6/2015	1350/QĐ-UBND ngày 22/9/2009; 1290/QĐ ngày 12/12/2014	242.118	242.118	5.900	180.876	3.000,000	3.000,000		Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu



STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (đến 31/10/2023)	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn Xổ số	
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước						
20	Đường dẫn phía Bắc từ ĐT.276 đến đầu cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành, địa phận huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	Tiên Du	KBNN tỉnh	7580704	292	2016-2019, tiếp đến năm 2023	954/QĐ ngày 9/8/2016; 517/QĐ-UBND ngày 01/4/2019; 2100/QĐ ngày 23/12/2019; 1298/QĐ-UBND ngày 25/10/2021; 643/ ngày 30/5/2023	214.046	214.046	24.000	162.500	2.000,000	2.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu	
21	Đường gom QL 18, giai đoạn 3 (bên trái tuyến), huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	Quế Võ	KBNN tỉnh	7580706	292	2016-2018, tiếp đến năm 2022	976/QĐ-UBND ngày 16/8/2016; 1134 ngày 12/7/2018; ; 1240/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	79.483	79.483	5.900	67.692	1.508,000	1.508,000	Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu	
22	Đầu tư xây dựng Đường trục trung tâm đô thị Nhân Thắng, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Gia Bình	KBNN tỉnh	7685479	292	2017-2021	325/QĐ-UBND, ngày 20/3/2018	153.308	153.308	31.476	125.074	2.000,000	2.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu	
23	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp TL.280 (đoạn từ thị trấn Thứa đi QL.38), huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	Lương Tài	KBNN tỉnh	7804930	292	2019-2021	1727/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	114.334	114.334	59.299	94.201	2.000,000	2.000,000	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến 31/12/2023	
24	Dự án ĐTXD Đường Lý Tự Trọng (đoạn từ ĐT.295B đến đường Nguyễn Phi Ý Lan), thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	Từ Sơn	KBNN tỉnh	7730541	292	2018-2021	1967/QĐ UBND, ngày 30/10/2018	52.540	52.540	12.850	24.715	4.000,000	4.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu	
25	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I,II: đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 lý trình từ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 lý trình từ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	LT, TT	KBNN tỉnh	7721042	292	Đến hết năm 2023	1928/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 (Giai đoạn I, II); 1744/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	428.354		272.000	109.106	20.000,000	20.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để GPMB	
26	Đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (đoạn từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hữu Chấp, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7662130	292	2017-2021; tiếp đến năm 2023	1559/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1651/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	316.505		128.000	154.229	40.000,000	40.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để GPMB	
27	Đường ĐT1 kéo dài (đoạn từ TL276 đến đường Nội Duệ-Tri Phương) huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	Tiên Du	KBNN tỉnh	7727690	292	2018-2022	QĐ số 1921/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	213.549		86.398	94.357	36.000,000	36.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để GPMB	
28	Đường HL6 đoạn từ TL276 vào trụ sở BCH quân sự mới và làng đại học I	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	Tiên Du	KBNN tỉnh	7727686	292	2018-2022, tiếp đến năm 2023	1977/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 622/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	102.759		41.000	40.305	14.000,000	14.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để GPMB	
29	Dự án ĐTXD đường ĐT.277, đoạn từ QL.38 đến ĐT.276, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	Tiên Du	KBNN tỉnh	7944284	292	2021-2023	1710/QĐ-UBND ngày 29/12/2021; 1171/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	38.964		32.000	18.755	6.000,000	6.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để GPMB	
30	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quế Võ đoạn từ TL.279 đi Bàng An, lên đê Hữu Cầu	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Quế Võ	KBNN tỉnh	7728432	292	Đến 31/10/2022	1926/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	102.485		35.000	49.441	8.000,000	8.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để GPMB	
31	Dự án ĐTXD tuyến đường từ QL.13 đi làng nghề xã Phù Lãng, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Quế Võ	KBNN tỉnh	7728441	292	2018-2021, tiếp đến năm 2022	1918/QĐ UBND, ngày 26/10/2018; 1395/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	72.645		20.000	48.604	1.000,000	1.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để GPMB	
32	ĐTXD cải tạo, nâng cấp đường vào khu xử lý rác thải tập trung tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Quế Võ	KBNN tỉnh	7855513	292	2020-2023	1138/QĐ-UBND ngày 21/8/2020	75.416		45.000	49.063	5.000,000	5.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để GPMB	



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm tài khoản (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (đến 31/10/2023)	Kế hoạch đầu tư công năm 2024		Ghi chú		
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Nguồn XDCB tập trung		Nguồn Xổ số	
								Tổng số							Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước
33	Dự án đầu tư xây dựng đường trục huyện Quê Võ đoạn từ QL18 đi xã Phù Lương	UBND huyện Quê Võ (Ban QLDA)	Quê Võ	KBNN tỉnh	7728433	292	2018-2020, tiếp đến năm 2023	1917/QĐ UBND, ngày 26/10/2018; 1659/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 1405/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	59.935	17.000	27.026	2.000,000	2.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để GPMB	
b	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản														
34	Nâng cấp tuyến đê hữu Đuống, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7295465	283	2011-2022	565/QĐ-UBND ngày 23/5/2011	928.100	928.100	150.000	414.264	8.000,000	8.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
35	Cải tạo, kiến cố hóa hệ thống kênh sau cống qua đê trạm bơm Phú Mỹ, huyện Thuận Thành	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thuận Thành	KBNN tỉnh	7721044	283	Hoàn thành trước 31/12/2023	1871/QĐ-UBND, ngày 25/10/2018; 555/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 ; 1396/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	59.559	59.559	34.500	34.300	7.000,000	7.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
36	Dự án Xử lý lún, nứt thân đê, sạt trượt mái đê đoạn từ K41+200 đến K45+000 đê hữu Đuống, huyện Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Gia Bình	KBNN tỉnh	7767795	283	2019-2023	1709/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 1330/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	130.000	130.000	102.000	38.030	3.000,000	3.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
37	Dự án Trạm bơm tiêu Ngọc Trì, huyện Lương Tài	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lương Tài	KBNN tỉnh	7883401	283	2021-2023	1801/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019; 1432/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	75.000	75.000	60.000	39.592	2.000,000	2.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
38	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Ngòi Tô, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Yên Phong	KBNN tỉnh	7852810	283	2021-2023	1271/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	60.000	60.000	48.000	20.638	2.000,000	2.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
39	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp, thành phố Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	TP Bắc Ninh	KBNN tỉnh	7261061	283	Đến 30/6/2023	1463/QĐ-UBND; 31/10/2016; 1684/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	279.952	78.000	180.230	1.000,000	1.000,000	1.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để GPMB
40	Lắp đặt máy vớt rác tự động các trạm bơm Tân Chi, Phần Động, Kim đôi 2	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	TD, QV	KBNN tỉnh	7765562	283	2019-2023	1746/QĐ-UBND; 30/10/2019; 1682/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	59.994	59.994	48.000	34.400	4.000,000	4.000,000	Dự án có nhu cầu vốn để thanh toán KLHT đã nghiệm thu
c	Lĩnh vực Du lịch														
41	Dự án: Quảng bá sản phẩm và cảm biến chỉ dẫn làng nghề tỉnh Bắc Ninh (Giai đoạn 2)	Chi cục Phát triển nông thôn	Tỉnh Bắc Ninh	KBNN tỉnh	8017616	322	2021-2023	47/QĐ-SKHĐT.QLN ngày 14/3/2023; 168/QĐ-KHĐT.QLN ngày 30/8/2023	14.982	14.982	12.000	3.993	5.000,000	5.000,000	CĐT báo cáo: Dự kiến đến 31/12/2023 sẽ thực hiện hoàn thành 100% khối lượng công trình



STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (đến 31/10/2023)	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (Nguồn XDCB tập trung)			Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
							Tổng số	Trong đó: phân vốn ngân sách nhà nước						
7	ĐT XD Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Công Thương và xây dựng khối nhà kỹ thuật cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp để phục vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ	Sở Công thương	KBNN tỉnh	341	2023-2025	2390/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	29.049	29.049	23.000	20.000				

